

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2026/HC-PT
Ngày 03 tháng 02 năm 2026
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà
nước thu hồi đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 362/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 135/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1975 và bà Hoàng Anh Thư S năm 2002; Cùng địa chỉ: E Đ, H, phường T, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Văn S1, sinh năm 1955, vắng mặt;

3.2. Bà Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1968, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 3, tổ G, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đặng Minh T, bà Lê Thị Hồng D – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đặng Minh T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông T, bà D là chủ sử dụng của phần đất diện tích 100m² thuộc thửa đất 124, tờ bản đồ 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc do ông bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Trần Văn H (chết năm 2005) và bà Nguyễn Thị X (chết năm 2018).

Khi chuyển nhượng, bà Nguyễn Thị X và bà Lê Thị Hồng D có lập Đơn sang nhượng đất đề ngày 25/8/2005, có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị X và chữ ký của người làm chứng là ông Trần Hai N1 (Con trai của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X). Theo đó, bà Nguyễn Thị X đồng ý sang nhượng cho bà Lê Thị Hồng D diện tích đất 100m² với chiều ngang 5m, chiều dài 20m, có đường đi vào hẻm rộng 2,5m với giá là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Ông T, bà D đã giao đủ tiền cho bà X và bà X cũng đã bàn giao đất trên thực tế cho ông T và bà D sử dụng từ năm 2005 cho đến nay. Đến năm 2008, ông T, bà D đã xây dựng một căn nhà cấp 4 trên đất để ở. Bà X còn lại diện tích 219m² cũng thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ 51 cùng một căn nhà trên đất là do ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 (con trai và con dâu của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X) trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 2007 đến nay. Vợ chồng ông S1 và bà T1 biết rõ về việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông T, bà D và bà X nhưng không có ý kiến và cũng không có tranh chấp gì về việc vợ chồng ông T, bà D xây dựng nhà ở và quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 100m² này.

Toàn bộ phần diện tích 319m² thuộc thửa đất 124, tờ bản đồ 5 tại phường T, B, Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cùng căn nhà trên đất của ông T, bà D và vợ chồng ông S1, bà T1 đều thuộc diện bị thu hồi, giải tỏa trắng để thực hiện dự án Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 2 đầu cầu). UBND thành phố B đã ban hành các quyết định sau: Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Trần Văn H và Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy, đã chết) -

Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (con nhận thừa kế) để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ. Theo đó, thu hồi toàn bộ diện tích 319m² đất của ông (bà) Trần Văn H và Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy, đã chết) - Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (con nhận thừa kế) thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51 tại phường T, thành phố B; Quyết định số: 2947/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Lê Thị Hồng D (tài sản xây dựng trên thửa đất số 124 tờ bản đồ số 51 phường T) do thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 2 đầu cầu), thành phố B. Theo đó chỉ bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cây trồng và các tài sản khác trên đất cho vợ chồng ông T, bà D với số tiền là 269.134.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông T, bà D không đồng ý với Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Trần Văn H và Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy, đã chết) - Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (con nhận thừa kế) với toàn bộ diện tích bị thu hồi là 319m² vì trong đó có phần diện tích 100m² thuộc sở hữu sử dụng của vợ chồng ông T và bà D.

Ông T, bà D đã gửi Đơn đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị thực hiện quy chủ, xem xét bồi thường về đất và cấp tái định cư cho ông bà theo quy định của pháp luật. Tại văn bản số: 20850/UBND-TCĐ ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn không đồng ý về việc bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D.

Nay ông T, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai); kiến nghị của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D đối với UBND thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện thủ tục quy chủ, ban hành Quyết định về việc thu hồi đất đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cho ông T, bà D và yêu cầu kiến nghị UBND thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) xem xét hỗ trợ, bồi thường về đất và tái định cư cho ông T, bà D theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai có ý kiến:

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh B tổng hợp, lập theo hồ sơ bồi thường, hỗ trợ về tài sản của bà Lê Thị Hồng D (tài sản xây dựng trên đất của ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 thửa 124 tờ bản đồ số 51, phường T) để thực hiện Dự án Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố B. Đối với việc trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D, Chủ tịch UBND phường T có ý kiến như sau:

Ngày 27/4/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai phối hợp với UBND phường T và các đơn vị có liên quan tiến hành lập Biên bản kiểm đếm về đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với bà Lê Thị Hồng D (Đất do ông Trần Văn H đứng tên đăng ký, vợ bà Nguyễn Thị X bán).

Ngày 28/12/2022, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 3649/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố B. Ngày 03/10/2022, UBND phường T có văn bản số: 16/UBND xác nhận bà Lê Thị Hồng D tài sản xây dựng năm 2008 do mua lại đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X.

Ngày 31/7/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 3935/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố B. Cùng ngày 31/7/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2947/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Lê Thị Hồng D (tài sản xây dựng trên đất ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 thửa đất số 124 tờ bản đồ số 51 phường T) do thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố B.

Như vậy, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2947/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Lê Thị Hồng D (tài sản xây dựng trên đất ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 thửa đất số 124 tờ bản đồ số 51 phường T) do thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng Đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố B là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 135/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 39, 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; điểm a khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 62, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, khoản 2 Điều 75, khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 19, 20, 21 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm a, b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 6 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Bác yêu cầu kiến nghị của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D đối với UBND thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện thủ tục quy chủ, ban hành Quyết định về việc thu hồi đất đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cho ông T, bà D và bác yêu cầu kiến nghị UBND thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) xem xét hỗ trợ, bồi thường về đất và tái định cư cho ông T, bà D theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001421 ngày 15/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông T, bà D đã nộp đủ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2025, người khởi kiện ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Hữu N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông T, bà D giữ nguyên yêu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm: Hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Trần Văn H và Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy, đã chết) - Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (con nhận thừa kế) để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ; hủy Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng), ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số 51, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B; hủy Công văn số: 20850/UBND-TCD ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B trả lời đơn ông Đặng Minh T về việc không đồng ý bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D. Buộc UBND thành phố B (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện nhiệm vụ công vụ về thu hồi, bồi

thường, hỗ trợ tái định cư đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cho ông T, bà D theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án hành chính sơ thẩm xem xét giải quyết vụ án là có căn cứ. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Trần Văn H và Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy, đã chết) - Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (con nhận thừa kế) để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ; Yêu cầu UBND thành phố B thực hiện thủ tục quy chủ và ban hành Quyết định về việc thu hồi đất cho ông T và bà D đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Yêu cầu UBND thành phố B xem xét hỗ trợ, bồi thường về đất và tái định cư cho ông T, bà D đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền,

còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Trong vụ án này các quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến quyết định bị khởi kiện là: Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng), ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số 51, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B; Công văn số: 2085/UBND-TCD ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn không đồng ý bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D. Tòa án sơ thẩm không xem xét các quyết định nêu trên là thiếu sót. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bổ sung đối với các quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện và các quyết định hành chính có liên quan:

[3.1] Thửa số 124, tờ bản đồ số 51 tại phường T, thành phố B có nguồn gốc của ông Trần Văn H (chồng của bà Nguyễn Thị X) thực hiện kê khai đăng ký nhà ở, đất ở thửa 34 tờ bản đồ số 51 phường T.

Năm 2005 ông H chết, ngày 25/8/2005 bà Nguyễn Thị X lập tờ sang nhượng đất cho bà D (vợ ông Đặng Minh T diện tích 100m², ngang 5m dài 20m) thuộc thửa đất cũ 34 thửa mới số 124, tờ bản đồ số 51 tại phường T, thành phố B với số tiền 57.000.000 đồng. Hai bên có lập tờ sang nhượng đất có chữ ký của bà X và chữ ký của ông Trần Hai N1 (con của bà X). Sau đó, ông T và bà D cất một căn nhà cấp 4 trên đất để ở từ năm 2008 cho đến nay. Vợ chồng ông T có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm đối với diện tích 100m² đất có gắn căn nhà, khi ông T và bà D nhận chuyển nhượng đất, cất nhà ở không có tranh chấp và không bị xử phạt vi phạm hành chính.

[3.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng*

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”, đồng thời tại điểm b.3, tiểu mục 2.3 Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993 có hướng dẫn : “Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 (Đất chuyển nhượng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003) và điểm a.6 (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng. Nếu bên nhận chuyển nhượng chỉ làm nhà trên một phần đất, thì Tòa án công nhận phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có nhà ở và hủy phần hợp đồng đối với diện tích đất còn lại, buộc bên nhận chuyển nhượng giao trả phần đất đó cho bên chuyển nhượng, trừ trường hợp việc giao trả không bảo đảm mục đích sử dụng cho cả hai bên giao kết hợp đồng, đồng thời buộc các bên thanh toán cho nhau phần chênh lệch”.

Đối chiếu với quy định trên, xét thấy năm 2005 bà X chuyển nhượng đất cho ông T, bà D, mặc dù hai bên chỉ làm giấy tay, nhưng ông T và bà D đã trả đủ tiền và nhận đất từ năm 2005, đến năm 2008 bà D và ông T cất nhà ở, trong quá trình sử dụng đất có nộp thuế phi nông nghiệp. Khi ông T, bà D cất nhà ở, không có bị tranh chấp, khiếu nại và không bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, ông T, bà D đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, khi nhà nước thu hồi đất thì ông T và bà D đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 06/4/2022, UBND thành phố B ban hành thông báo thu hồi đất số 259/TB-UBND ngày 06/4/2022 (bút lục 74) về việc thông báo thu hồi đất của ông Trần Văn H (chết, gia tộc chưa phân chia di sản thừa kế) diện tích đất dự kiến thu hồi 319m² đất thuộc thửa 124 tờ bản đồ số 51, phường T. Loại đất thể hiện theo bản đồ địa chính: Đất ở đô thị; tại biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/4/2022 đã ghi nhận đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của bà Lê Thị Hồng D diện tích đất thuộc một phần thửa 124 tờ bản đồ số 51; về nhà ở và các loại tài sản khác: căn nhà chính của bà Lê Thị Hồng D xây dựng năm 2008 có diện tích ngang 5m, dài 13m, mái tôn, khung gạch, tường sơn nước, nền lợp gạch cranic, trần nhựa, cửa sắt kính, loại nhà cấp 4, đồng hồ nước, đồng hồ điện, mái hiên 3m x 2m, bàn thiên, chuồng nuôi chim; các cây trồng gồm các loại cây me, xoài, cao, mai (bút lục 80-81). Đồng thời, tại biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/4/2022

cũng đã ghi nhận đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của bà Lê Thị Cẩm T1 + Trần Văn S1 một phần thửa 124 tờ bản đồ số 51 hiện trạng sử dụng đất nhà + VKT; về nhà ở cấp 4 mái tôn, khung gạch, tường sơn nước, nền lợp gạch cranic, trần nhựa, cửa sắt kính, diện tích xây dựng chiều ngang 8,6m x chiều dài 9m, đồng hồ nước, đồng hồ điện, mái hiên 1,5m x 8,6m, bàn thiên, các cây trồng trên đất gồm cây chôm chôm, đu đủ, mai, cây vối (bút lục 71-72).

Xét thấy, trong biên bản kiểm đếm về đất đai ngày 27/4/2022 bà Lê Thị Cẩm T1 và bà Lê Thị Hồng D đều có ghi “*Tôi đã đọc và thống nhất với nội dung kiểm đếm*” và ký tên dưới mục chủ sử dụng đất và tài sản trên đất. Như vậy, có căn cứ xác định bà T1, bà D đều thống nhất với hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo biên bản kiểm đếm, theo đó bà D sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng 100m² thuộc một phần thửa 124 tờ bản đồ số 51 có gắn căn nhà cấp 4 diện tích ngang 5m, dài 13m, mái tôn, khung gạch, tường sơn nước, nền lợp gạch cranic, trần nhựa, cửa sắt kính, còn Lê Thị Cẩm T1 và Trần Văn S1 sử dụng phần đất còn lại thuộc một phần thửa 124 tờ bản đồ số 51 hiện trạng sử dụng đất nhà ở cấp 4 mái tôn, khung gạch, tường sơn nước, nền lợp gạch cranic, trần nhựa, cửa sắt kính, diện tích xây dựng chiều ngang 8,6m x chiều dài 9m.

Theo Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất lập ngày 29/9/2022 và Giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc số: 16/UBND ngày 03/10/2022 của UBND phường T (bút lục 83) đã xác nhận: “*Thửa đất 34 tờ bản đồ 51 có nguồn gốc của ông Trần Văn H được ông bà để lại, sử dụng ổn định không tranh chấp. Năm 1954 vợ chồng ông H, bà X có xây dựng 03 căn nhà trên đất với kết cấu: khung cột cây, vách ván, mái ngói, nhà trệt. Năm 1999, ông Trần Văn H có thực hiện thủ tục đăng ký nhà ở, đất ở theo biên nhận ngày 15/4/1999 với diện tích là 3006,2m² loại đất đăng ký là đất ODT và đất nông nghiệp. Trong quá trình sử dụng có tách làm 03 thửa: 34, 255, 124 tờ bản đồ 51 (tách từ thửa đất 34, tờ bản đồ 51, phường T). Trong đó: Thửa 255 tờ bản đồ 51 đã bán cho ông Bùi Đức T2 sử dụng đã bị thu hồi đất cùng dự án; Thửa 34 tờ bản đồ 51 do ông Trần Văn H trực tiếp quản lý sử dụng. Hiện nay ông Trần Văn H đã chết chưa thực hiện chia di sản thừa kế. Thửa 124 tờ bản đồ 51 có Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/5/2022 để lại thừa kế cho ông Trần Văn S1 (con ruột) và bà Lê Thị Cẩm T1 (con dâu vợ ông S1). Sử dụng đã bị thu hồi đất cùng dự án. Trên thửa đất 124 tờ bản đồ 51 có 02 căn nhà: Căn thứ nhất: ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 trực tiếp quản lý. Nguồn gốc căn nhà: trước đây là nhà cây được cha là Trần Văn H xây dựng năm 1954 sử dụng, sau đó cho lại ông Trần Văn S1 quản lý sử dụng, đến năm 2007 ông S1 cải tạo sửa chữa lại theo hiện trạng như hiện nay (Kết cấu: khung cột gạch, tường gạch, mái tôn). Sử dụng ổn định không tranh chấp; Căn thứ hai: do bà Lê Thị Hồng D mua lại đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X; tự xây dựng căn nhà vào năm 2008. Sử dụng ổn định không tranh chấp. Việc xây dựng nhà của 02 hộ không bị xử phạt vi phạm hành chính. Thời điểm xây dựng nhà của 02 hộ trước khi có thông báo thu hồi đất của dự án*”.

Xét thấy, UBND thành phố B không xem xét quá trình sử dụng đất của ông T và bà D ổn định, lâu dài, không tranh chấp khi nhận chuyển nhượng và cất nhà ở trên đất mà căn cứ Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà T1 và ông S1 do UBND phường T chứng thực ngày 25/5/2022 để ban hành Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về việc thu hồi diện tích 319,8m² đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 (nhận thừa kế sử dụng) thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số E, phường T, thành phố B và ban hành Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng) đối với diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số 51, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B với tổng số tiền 3.509.597.000 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và D.

[3.3] Theo Thông báo thu hồi đất số: 259/TB-UBND ngày 06/4/2022 của UBND thành phố B (bút lục 74) về việc thông báo thu hồi đất của ông bà Trần Văn H (chết, gia tộc chưa phân chia di sản thừa kế) diện tích đất dự kiến thu hồi 319m² đất thuộc thửa 124 tờ bản đồ số 51, phường T với loại đất ở đô thị.

Tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất số 124 tờ bản đồ số 51 phục vụ cho việc đền bù, giải tỏa trong dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thể hiện thửa đất 124 là loại đất ODT.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở: *“Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư”*.

Xét thấy, do Nhà nước thu hồi diện tích 100m² đất tại thửa 124 tờ bản đồ số 51 tọa lạc phường T với loại đất ở đô thị. Trên đất có gắn căn nhà của ông T và bà D đang sử dụng để ở. Gia đình ông T, bà D không còn phần đất ở nào khác. Do đó, ông T, bà D yêu cầu UBND thành phố B xem xét hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, ngày 03/12/2024 UBND thành phố B ban hành Công văn số: 20850/UBND-TCD trả lời đơn ông Đặng Minh T về việc không đồng ý bồi thường về đất và xem xét hỗ trợ tái định cư cho ông T, bà D là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà D làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà D.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi diện tích 319,8m² đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 (nhận thừa kế sử dụng) thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số E, phường T, thành phố B; hủy một phần Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng) diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số E, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B, với tổng số tiền 3.509.597.000 đồng; hủy Công văn số: 20850/UBND-TCD ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn không đồng ý bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D và yêu cầu UBND thành phố B (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện nhiệm vụ công vụ về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cho ông T, bà D, là có căn cứ.

Do đó, sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T, bà Lê Thị Hồng D: Hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi diện tích 319,8m² đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 (nhận thừa kế sử dụng) thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số E, phường T, thành phố B; hủy một phần Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và bà Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng) diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số 51, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B với tổng số tiền 3.509.597.000 đồng; hủy Công văn số: 20850/UBND-TCD ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B trả lời đơn ông Đặng Minh T về việc không đồng ý bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D. Buộc UBND thành phố B (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện nhiệm vụ công vụ về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông T, bà D đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [3] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của ông T, bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính:

- Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện UBND thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Người khởi kiện ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 135/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; khoản 2 Điều 32, Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T, bà Lê Thị Hồng D:

- Hủy Quyết định số: 1907/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi diện tích 319,8m² đất của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 (nhận thừa kế sử dụng) thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số E, phường T, thành phố B; hủy một phần Quyết định số: 1888/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị X (đăng ký cấp giấy - đã chết) do ông Trần Văn S1 và Lê Thị Cẩm T1 (nhận thừa kế sử dụng) diện tích 319,8m² đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ địa chính số 51, phường T để thực hiện dự án đường trục trung tâm thành phố B đoạn từ đường V đến đường Đ (Cầu T và đường kết nối 02 đầu cầu) thành phố B với tổng số tiền 3.509.597.000 đồng; hủy Công văn số: 20850/UBND-TCD ngày 03/12/2024 của UBND thành phố B trả lời đơn ông Đặng Minh T về việc không đồng ý bồi thường về đất và xem xét tái định cư cho ông T, bà D.

- Buộc UBND thành phố B (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) thực hiện nhiệm vụ công vụ về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông T, bà D đối với phần diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [3] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D.

3. Về án phí:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D không chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001421 ngày 15/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và hoàn trả cho ông Đặng Minh T và bà Lê Thị Hồng D số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003684 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**